

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày 30-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tôn Phước Thuận;
bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đỗ Thị G, sinh ngày 25/02/1989; nơi cư trú: tổ 09, ấp M, xã M, tỉnh An Giang;

Địa chỉ khác: Phòng A1, nhà trọ của bà Đỗ Thị Nga, tổ 30, ấp T, xã N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: bà Phạm Thị Phượng L, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp A, xã L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị G trình bày, vào ngày 28/8/2022, bà G đã giao cho bà L trực tiếp nhận một lần số tiền vay 65.000.000 đồng. Bà L hứa khoảng 01 năm trả lại. Đến hạn 01 năm, bà L cắt đứt mọi liên lạc nên bà G không đòi lại được số tiền đã cho bà L vay không có lãi. Vì vậy, bà G yêu cầu bà L trả lại cho bà G tiền vay gốc 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: bà G giữ nguyên khởi kiện, không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; công nhận hợp đồng vay giữa bà G và bà L, chấp nhận khởi kiện của bà G về yêu cầu bà L trả lại số tiền vay 65.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà G có đơn khởi kiện về yêu cầu trả lại tiền vay. Bà L có địa chỉ cư trú xã L, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang); Tại phiên tòa, bà G có mặt; bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà G cho rằng bà L trực tiếp nhận số tiền vay 65.000.000 đồng nên bà G yêu cầu bà L trả lại tiền vay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L không có văn bản ý kiến, vắng mặt không có lý do xem như bà L bỏ mặc việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm theo khởi kiện của bà G. Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc dựa vào các tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ do bà G đưa ra theo quy định Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo lời khai của bà G, các tài liệu, chứng cứ do bà G giao nộp và do Tòa án thu thập thì thấy, tại tờ biên nhận mượn tiền đề ngày 28/8/2022 có nội dung thể hiện: “...*bà L mượn của bà G số tiền 65.000.000 đồng, có chữ ký tên, ghi họ tên Phạm Thị Phương L tại mục người nhận mượn tiền*”. Như vậy, bà L đã nhận của bà G về số tiền vay là có thật.

[4] Tòa án xác định bà G và bà L đã xác lập hợp đồng vay tiền, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Theo đó, bà G giao cho bà L nhận một lần số tiền vay 65.000.000 đồng nhưng bà L không trả lại cho bà G số tiền vay đã nhận là không thực hiện đúng nghĩa vụ khi bà G yêu cầu. Bà G yêu cầu bà L trả lại số tiền vay là có căn cứ. Theo quy định Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà G về yêu cầu bà L trả lại số tiền vay 65.000.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Tòa án chấp nhận phần khởi kiện của bà G nên bà L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu có giá ngạch theo quy định tại Điều

147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị G về yêu cầu trả tiền vay. Buộc bà Phạm Thị Phụng L phải trả lại cho bà G số tiền vay gốc: 65.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: bà G được nhận lại tạm ứng án phí 1.625.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0024482 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà L phải chịu án phí 3.250.000 đồng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân